TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tinh Vân Đại sư toàn tập (□□□□□)

ISSN: 2734-9195 07:45 14/11/2026

Một lời nói chân thành có thể gieo duyên lành; một hành động vị tha có thể xoa dịu những nỗi khổ niềm đau; một tâm niệm tỉnh thức có thể mở đầu cho sự chuyển hóa.

*Di sản trước tác, tư tưởng **Phật giáo Nhân gian** và đạo nghiệp hoằng pháp của một bậc cao tăng thời hiện đại*

Dẫn nhập

Dòng chảy hơn 25 thế kỷ của lịch sử Phật giáo là hành trình truyền thừa từ miền Bắc Ấn Độ vào thế kỷ VI TCN ra khắp châu Á và toàn cầu, mỗi thời đại đều ghi dấu những bậc cao tăng thạc đức, những người không chỉ kế thừa và hoằng truyền giáo pháp của đức Phật mà còn vận dụng trí tuệ giải thoát để đáp ứng những nhu cầu tinh thần, đạo đức và văn hóa của xã hội đương thời.

Tinh Vân Đại sư (□□□□ , 1927–2023) là một trong những bậc cao tăng tiêu biểu của Phật giáo thế giới thời hiện đại. Với hơn tám thập niên xuất gia tu học và nhiều thập niên tận tụy hoằng dương chính pháp, Ngài đã dành trọn cuộc đời cho lý tưởng đưa Phật pháp đi vào nhân gian, lấy giáo dục làm nền tảng, văn hóa làm phương tiện, từ thiện làm hạnh nguyện và cộng tu làm sức mạnh kết nối cộng đồng.

Điểm đặc sắc trong tư tưởng của Tinh Vân Đại sư không chỉ nằm ở sự uyên bác về kinh điển hay những thành tựu trong việc kiến lập tự viện, phát triển giáo dục và truyền bá Phật pháp trên phạm vi quốc tế, mà còn thể hiện ở một nhận thức nhất quán: Phật giáo phải hiện hữu giữa cuộc đời, đồng hành cùng con người và góp phần chuyển hóa khổ đau thành an lạc bằng trí tuệ, từ bi và những hành động thiết thực.

Tinh thần ấy được kết tinh trong hệ thống trước tác đồ sộ của Ngài, mà tiêu biểu là bộ Tinh Vân Đại sư Toàn tập (□□□□□).

Đây không chỉ là công trình tập đại thành về trước thuật Phật học, mà còn là một di sản tư tưởng phản ánh sự vận động, thích ứng và phát triển của Phật

giáo Nhân gian trong bối cảnh xã hội hiện đại.



Tinh Vân Đại sư thời trẻ. Ảnh sưu tầm.

Phần 1. Khái lược về Tinh Vân Đại sư toàn tập

1. Tổng quan về bộ Toàn tập

Tinh Vân Đại sư Toàn tập là công trình hệ thống hóa những trước tác bằng Hán văn của Tinh Vân Đại sư, bao quát nhiều lĩnh vực như kinh điển, giáo lý, triết học, văn học, lịch sử, giáo dục, văn hóa và hoạt động hoằng pháp.

Theo thông tin trong bản thảo, phiên bản chữ Hán giản thể do Nhà xuất bản Tân Tinh (□□□□), thuộc Tập đoàn Xuất bản Quốc tế Trung Quốc (

□□□□□□□□), ấn hành năm 2019, gồm 108 quyển, với tổng dung lượng khoảng 40 triệu chữ Hán, mang mã số ISBN 9787513335225.

Một số nguồn tư liệu khác đề cập đến những ấn bản có số lượng 365 hoặc 395 quyển. Sự khác biệt này cần được khảo chứng theo từng lần xuất bản, hệ thống phân tập và hình thức biên soạn, nhằm tránh đồng nhất các phiên bản có quy mô khác nhau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, theo sự ủy thác của Tinh Vân Đại sư, Pháp sư Mãn Liên (□□□□), Giám đốc Tinh Vân Văn Giáo Quán tại Thượng Hải, đã trao tặng bộ Toàn tập phiên bản chữ Hán giản thể cho Văn phòng Sự vụ Đài Loan thành phố Thượng Hải.

Sự kiện này cho thấy bộ trước tác không chỉ có ý nghĩa đối với hoạt động nghiên cứu và truyền bá Phật học, mà còn góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa và tăng cường sự hiểu biết giữa các cộng đồng.

2. Cơ cấu biên tập và hệ thống trước tác

Bộ Tinh Vân Đại sư Toàn tập được hệ thống hóa thành mười hai loại chính, mỗi loại phản ánh một phương diện trong sự nghiệp trước thuật, giáo dục và hoằng dương Phật pháp của Đại sư.

Kinh nghĩa (□□)

Tập hợp những trước tác giảng giải, chú thích và khai triển ý nghĩa kinh điển Phật giáo, tiêu biểu như:

- Lục Tổ Đàn Kinh Giảng Thoại (□□□□□).

- Kim Cương Kinh Giảng Thoại (□□□□).

- Duy Ma Cật Kinh (□□□).

- Phật Pháp Chân Nghĩa (□□□).

Điểm nổi bật trong phương pháp giảng giải của Đại sư là sự kết hợp giữa giáo nghĩa thâm sâu và ngôn ngữ gần gũi, giúp người học Phật tiếp cận kinh điển không chỉ bằng tri thức mà còn bằng khả năng quán chiếu và thực hành trong đời sống.

Luận tùng (□□)

Bao gồm các công trình nghiên cứu, khảo luận và luận giải tư tưởng Phật học, đặc biệt chú trọng nền tảng lý luận và phương hướng thực hành của Phật giáo Nhân gian.

Những tác phẩm tiêu biểu gồm:

- Phật giáo Nhân gian - Bản hoài của đức Phật (□□□□□□□□).

- Phật giáo Nhân gian - Giới, Định, Tuệ (□□□□□□□).

- Tuyển tập luận văn về Phật giáo Nhân gian (□□□□□□□).

Thông qua những công trình này, Đại sư luận giải mối tương quan giữa giáo pháp và đời sống, giữa lý tưởng giải thoát và trách nhiệm đối với nhân sinh.

Theo tinh thần ấy, việc tu học không chỉ hướng đến sự chuyển hóa nội tâm của cá nhân mà còn phải góp phần xây dựng một đời sống cộng đồng lành mạnh, hòa hợp và giàu tình thương.

Giáo khoa thư (□□□)

Gồm những tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo Tăng Ni và hướng dẫn Phật tử học tập giáo lý.

Tiêu biểu có:

- Phật giáo - Giáo lý (□□ ·□□).

- Phật giáo - Kinh điển (□□ ·□□).

- Một trăm bài giảng về Tăng sự (□□□□).

- 365 ngày dành tặng người lữ hành (□□□□□□ 365□).

Những trước tác này thể hiện quan niệm giáo dục của Đại sư: học Phật không dừng lại ở việc ghi nhớ giáo nghĩa, mà cần chuyển hóa nhận thức thành hành vi đạo đức và lối sống có trách nhiệm.

Diễn giảng tập (□□□)

Tập hợp các bài pháp thoại, diễn thuyết và những lời khai thị được Đại sư trình bày trong quá trình hoằng pháp.

Tiêu biểu gồm:

- Chủ đề diễn giảng (□□□□).

- Tùy đường khai thị lục (□□□□□).

Các bài giảng phản ánh phương pháp giáo hóa linh hoạt, tùy thuận căn cơ và hoàn cảnh, đồng thời thể hiện tinh thần thiện xảo phương tiện trong việc đưa giáo pháp đến với nhiều tầng lớp xã hội.

Văn tùng (□□)

Bao gồm các sáng tác văn học, tản văn, tiểu thuyết và những tác phẩm mang giá trị nhân văn sâu sắc.

Tiêu biểu có:

- Khúc hát không lời (□□□□□□).

- Ngọc Lâm Quốc sư (□□□□).

- Giữa mê và ngộ (□□□□).

Qua văn chương, Đại sư không chỉ chuyển tải tư tưởng Phật học mà còn khơi gợi khả năng tự phản tỉnh, nuôi dưỡng lòng nhân ái và đánh thức những giá trị thiện lành trong tâm thức con người.

Truyện ký (□□)

Tập hợp các tác phẩm ghi chép cuộc đời, hành trạng, đạo nghiệp và những nhân duyên lịch sử trong Phật giáo.

Tiêu biểu gồm:

- Truyện đức Phật Thích Ca Mâu Ni (□□□□□□).

- Truyện mười đại đệ tử (□□□□□).

- Trăm năm Phật duyên (□□□□).

Những tác phẩm này góp phần lưu giữ ký ức lịch sử, đồng thời làm sáng tỏ những giá trị đạo đức và tinh thần tu chứng qua cuộc đời của các bậc tiền nhân.

Thư tín (□□)

Lưu giữ thư từ, văn kiện và những nội dung trao đổi giữa Đại sư với các giới trong xã hội, phản ánh quan điểm của Ngài đối với những vấn đề liên quan đến tôn giáo, văn hóa, giáo dục và đời sống cộng đồng.

Nhật ký (□□)

Gồm những ghi chép về hành trình hoằng pháp, đời sống tinh thần và những trải nghiệm của Đại sư qua nhiều giai đoạn.

Tiêu biểu như:

- Hải thiên du tung (□□□□).

- Tinh Vân nhật ký (□□□□).

Đây là nguồn tư liệu có giá trị trong việc tìm hiểu nhân cách, tư tưởng và hành trạng của Đại sư từ góc độ lịch sử và đời sống thực tiễn.

Phật Quang Sơn (□□□)

Tập hợp những tư liệu liên quan đến lịch sử khai sơn, quá trình kiến lập và phát triển hệ thống tự viện, đạo tràng, cơ sở giáo dục và các hoạt động phụng sự xã hội của Phật Quang Sơn.

Niên phổ (□□)

Ghi chép những sự kiện quan trọng trong cuộc đời và đạo nghiệp của Tinh Vân Đại sư theo trình tự thời gian, tạo cơ sở cho việc khảo cứu lịch sử và đối chiếu tư liệu.

Ảnh phổ (□□)

Bao gồm hơn 5.000 hình ảnh tư liệu, ghi lại những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời, hoạt động hoằng pháp và những mối nhân duyên của Đại sư.

Phụ lục (□□)

Gồm các tài liệu bổ trợ cho việc nghiên cứu bộ Toàn tập, như:

- Lời tựa của tác giả (□□).

- Quy ước biên soạn (□□).

- Hướng dẫn đọc Đại tạng kinh - Giải thích kinh Phật bằng bảng biểu (□□□□ : □□□□).

Nhìn tổng thể, mười hai loại trước tác tạo thành một hệ thống tư liệu phong phú, phản ánh sự kết hợp giữa nghiên cứu kinh điển, tư duy triết học, giáo dục, văn hóa và thực tiễn hoằng pháp.



Tinh Vân Đại sư. Ảnh sưu tầm.

3. Những đặc điểm nổi bật của bộ Toàn tập

Giá trị của Tinh Vân Đại sư Toàn tập không chỉ được thể hiện qua quy mô trước tác mà còn ở phương pháp tư duy, nghệ thuật diễn đạt và định hướng ứng dụng giáo pháp vào đời sống.

- Trước hết, ngôn ngữ của Đại sư mang tính minh bạch, thông suốt và gần gũi. Những vấn đề giáo lý vốn trừu tượng được trình bày bằng cách diễn đạt dễ tiếp nhận, tạo điều kiện để người đọc từng bước đi từ nhận thức đến thực hành.

- Thứ hai, phương pháp luận giải thể hiện tinh thần thiện xảo phương tiện (□□□□). Tùy theo căn cơ, trình độ và hoàn cảnh của người tiếp nhận, Đại sư vận dụng nhiều hình thức truyền đạt khác nhau, từ giảng kinh, pháp thoại đến văn chương, nghệ thuật và truyền thông.

- Thứ ba, bộ Toàn tập dung hợp tri thức về con người với **trí tuệ Phật học**, chú trọng những vấn đề thiết thực như đạo đức, gia đình, giáo dục, quan hệ xã hội và trách nhiệm cộng đồng.

- Thứ tư, công trình đề cao sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa lý luận và thực tiễn. Tinh thần tri hành hợp nhất (□□□□) được thể hiện qua quan niệm rằng giáo pháp chỉ thực sự phát huy giá trị khi được chuyển hóa thành những hành vi thiện lành.

- Thứ năm, hệ thống trước tác kết hợp nhiều phương diện văn học, sử học, triết học, nghệ thuật và mỹ học, tạo nên một không gian nghiên cứu liên ngành giàu giá trị.

Đặc biệt, tư tưởng xuyên suốt công trình là sự dung hòa giữa trí tuệ xuất thế và tinh thần nhập thế.

Xuất thế không có nghĩa là quay lưng với cuộc đời; nhập thế cũng không đồng nghĩa với việc để tâm thức bị cuốn theo những hệ lụy của thế gian.

Trong tinh thần Phật giáo Nhân gian, người học Phật cần nuôi dưỡng trí tuệ để không bị trói buộc bởi tham ái, đồng thời phát khởi lòng từ bi để tích cực phụng sự con người.

Đem trí tuệ giải thoát soi sáng đời sống và lấy hạnh nguyện lợi tha làm phương tiện thực hành chính là một trong những nét đặc sắc của tư tưởng Phật giáo Nhân gian mà Tinh Vân Đại sư xiển dương.



Ảnh sưu tầm.

4. Giá trị tư tưởng và ảnh hưởng của bộ Toàn tập

Trong các nhận định được ghi nhận về công trình, Giáo sư Vương Lập Tân (□□□), thuộc Đại học Thâm Quyến, đánh giá bộ Toàn tập là một thành phần có giá trị trong di sản văn hóa truyền thống Trung Hoa, kết tinh tư tưởng và những lời giáo huấn của Tinh Vân Đại sư.

Một trong những nội dung được đặc biệt chú ý là tư tưởng **Tam Hảo** (□□), gồm ba nguyên tắc: ***Làm việc tốt - Nói lời hay - Giữ tâm thiện.***

Ba nguyên tắc này cụ thể hóa việc tu tập thân, khẩu và ý thành những hành động gần gũi, phù hợp với đời sống hằng ngày.

Làm việc tốt là thực hành thiện nghiệp qua hành động, biết giúp đỡ và đem lại lợi ích cho người khác.

Nói lời hay là thực hành chính ngữ, sử dụng ngôn từ chân thật, hòa ái và có khả năng xây dựng sự cảm thông.

Giữ tâm thiện là nuôi dưỡng những ý nghĩ trong sáng, giảm thiểu tham lam, sân hận và si mê, đồng thời phát triển tâm từ bi và trí tuệ.

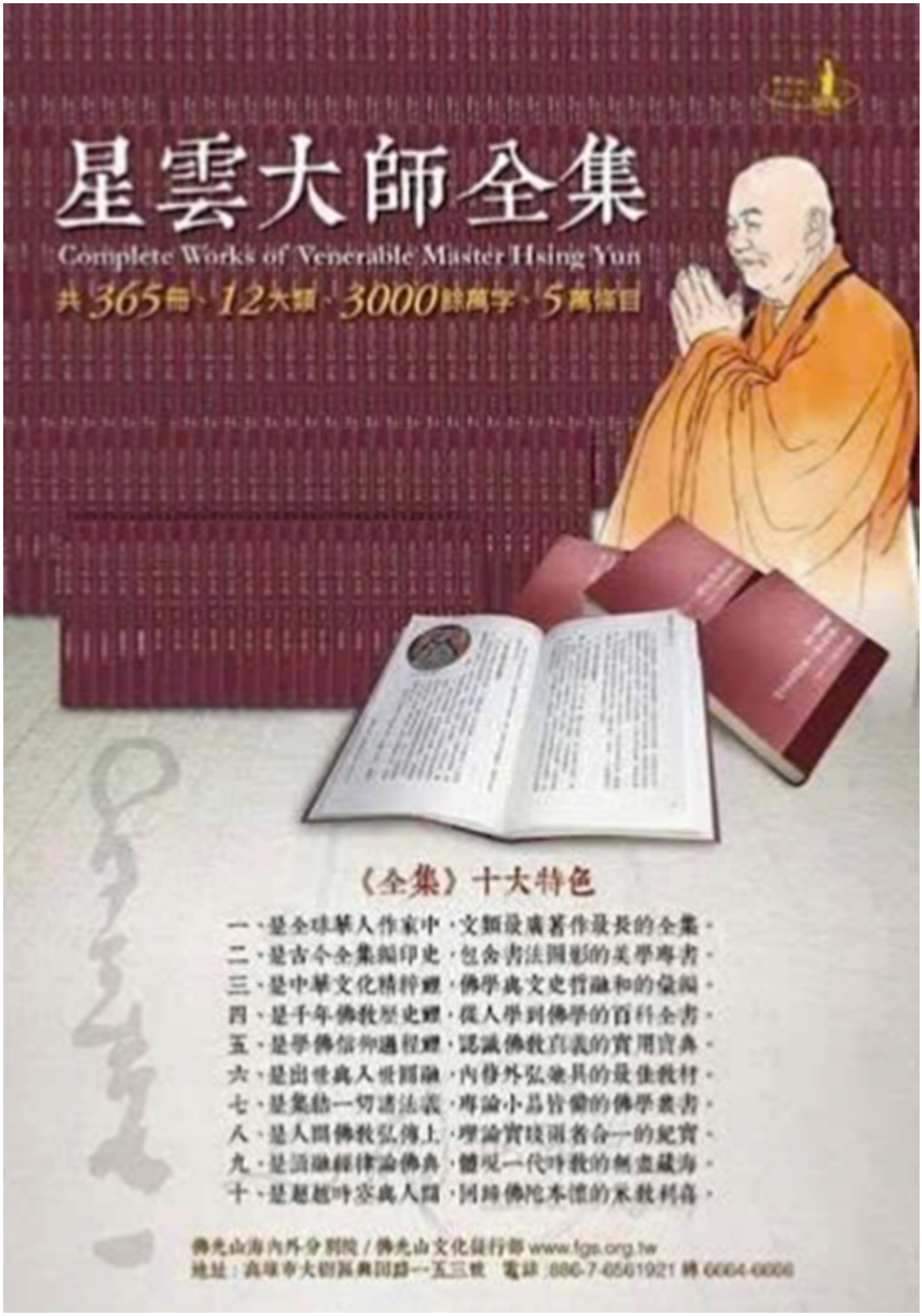
Từ góc nhìn Phật học, giá trị của Tam Hảo không chỉ nằm ở những chuẩn mực đạo đức xã hội, mà còn gắn liền với nguyên lý nghiệp và nhân quả.

Mỗi hành động, lời nói và ý nghĩ có chủ ý đều góp phần hình thành nghiệp. Khi thân, khẩu và ý được hướng dẫn bởi chính niệm và thiện tâm, con người từng bước tạo dựng những nhân duyên thuận lành cho bản thân và cộng đồng.

Đó cũng là một cách diễn đạt giản dị nhưng sâu sắc về con đường chuyển hóa nội tâm.

Giáo sư Thích Thánh Khải (□□□) là một tăng sĩ và học giả Phật học tiêu biểu của Trung Quốc đương đại, hiện đang công tác tại Khoa Triết học thuộc Đại học Thanh Hoa nhận định rằng bộ Toàn tập dung hội những giá trị của Tam tạng Kinh, Luật, Luận, đồng thời thể hiện sự kết hợp giữa nền tảng lý luận và phương diện thực hành của Phật giáo Nhân gian.

Có thể thấy, giá trị nổi bật của công trình không chỉ là bảo tồn tri thức Phật học, mà còn mở ra những phương hướng tiếp cận giáo pháp phù hợp với nhu cầu tinh thần và đạo đức của xã hội hiện đại.



Ảnh sưu tầm.

Phần 2. Sơ lược tiểu sử Tinh Vân Đại sư và đạo nghiệp hoằng pháp (1927–2023)

Trong dòng chảy lịch sử Phật giáo cận hiện đại, Tinh Vân Đại sư (□□□ , 1927–2023) được biết đến như một bậc cao tăng có nhiều đóng góp nổi bật

trong công cuộc chấn hưng Phật giáo, đặc biệt là việc xiển dương tư tưởng Nhân gian Phật giáo (□□□□) trên phạm vi quốc tế.

Suốt hơn tám thập niên xuất gia tu học và hoằng dương Chính pháp, Ngài đã dành trọn cuộc đời cho lý tưởng đem giáo lý đức Phật hòa nhập vào đời sống, lấy văn hóa làm phương tiện hoằng pháp, lấy giáo dục làm nền tảng đào tạo nhân tài, lấy từ thiện làm biểu hiện của lòng từ bi và lấy cộng tu làm con đường thanh tịnh hóa thân tâm.

Đối với Tinh Vân Đại sư, Phật giáo không chỉ hiện diện trong kinh điển, tự viện hay những nghi lễ tín ngưỡng, mà còn phải được thể hiện sinh động trong từng hành vi, lời nói và mối quan hệ giữa con người với con người. Giá trị của Phật pháp không dừng lại ở sự hiểu biết về giáo lý, mà cần được chuyển hóa thành trí tuệ, đạo đức và những hành động thiết thực nhằm đem lại an lạc cho nhân sinh.

Từ chí nguyện ấy, Ngài đã góp phần kiến tạo một hệ thống giáo dục, văn hóa, truyền thông, từ thiện và hoằng pháp rộng khắp thế giới, để lại những dấu ấn sâu đậm trong tiến trình phát triển của Phật giáo đương đại.

1. Thân thế, xuất gia và quá trình tu học

Tinh Vân Đại sư quê quán tại Giang Đô, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Ngài sinh năm 1927 và viên tịch năm 2023, trụ thế 96 năm.

Năm 12 tuổi, với nhân duyên sâu dày cùng Phật pháp, Ngài đến núi Thê Hà, Nam Kinh, lễ Hòa thượng Chí Khai, thuộc chùa Đại Giác ở Nghi Hưng, làm thầy và chính thức thế phát xuất gia.

Từ buổi đầu bước vào đời sống phạm hạnh, Ngài đã chuyên tâm tu học, trau dồi giới luật, giáo lý và đạo hạnh. Trong quá trình đào luyện tại các cơ sở giáo dục Phật giáo, Ngài từng theo học tại Luật học viện Thê Hà và Phật học viện Tiêu Sơn, những nơi góp phần hình thành nền tảng Phật học vững chắc cho sự nghiệp hoằng pháp về sau.

Trên con đường tu học và kế thừa pháp mạch, Ngài được truyền thừa, trở thành vị pháp tự đời thứ 48 của **Thiền phái Lâm Tế**.

Không chỉ chuyên tâm nghiên cứu kinh điển và thực hành giáo pháp, ngay từ thời kỳ đầu, Ngài đã tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, văn hóa và hoằng pháp.

Trước khi đến Đài Loan, Ngài từng đảm nhiệm các trọng trách như Hiệu trưởng Trường Quốc dân Bạch Tháp, Tổng biên tập Nguyệt san Nộ Đào và Trụ trì chùa Hoa Tạng tại Nam Kinh.

Những trải nghiệm ấy không chỉ bồi đắp kiến thức và năng lực tổ chức, mà còn góp phần định hình tầm nhìn hoằng pháp của Ngài: muốn Phật giáo phát triển bền vững, cần kết hợp hài hòa giữa chiều sâu tu chứng, nền tảng giáo dục và tinh thần phụng sự xã hội.

2. Kiến lập Phật Quang Sơn và phát triển đạo tràng

Mùa xuân năm 1949, Tinh Vân Đại sư đến Đài Loan, mở ra một giai đoạn quan trọng trong cuộc đời và đạo nghiệp.

Trong bối cảnh xã hội có nhiều biến chuyển, Ngài nhận thấy việc hoằng dương Phật pháp cần có những phương thức phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và nhu cầu tinh thần của con người đương thời.

Năm 1953, tại chùa Lôi Âm ở Nghi Lan, Ngài thành lập Hội Niệm Phật, Đội Thanh niên Ca vịnh cùng nhiều tổ chức sinh hoạt Phật giáo khác. Những hoạt động này đã góp phần đưa Phật pháp đến gần hơn với quần chúng, đặc biệt là giới trẻ, đồng thời đặt nền móng cho sự nghiệp hoằng pháp lâu dài.

Năm 1967 đánh dấu một bước ngoặt lớn khi Ngài khai sáng Phật Quang Sơn (□□□), từng bước xây dựng nơi đây trở thành một trung tâm tu học, giáo dục, văn hóa và hoằng pháp có ảnh hưởng quốc tế.

Sự nghiệp Phật Quang Sơn được phát triển trên bốn phương diện trọng yếu:

Lấy văn hóa hoằng dương Phật pháp; lấy giáo dục bồi dưỡng nhân tài; lấy từ thiện phúc lợi xã hội; lấy cộng tu thanh tịnh nhân tâm.

Bốn phương diện ấy không tồn tại biệt lập mà bổ trợ cho nhau, tạo thành một định hướng hoằng pháp toàn diện, kết hợp giữa đời sống tâm linh và trách nhiệm xã hội.

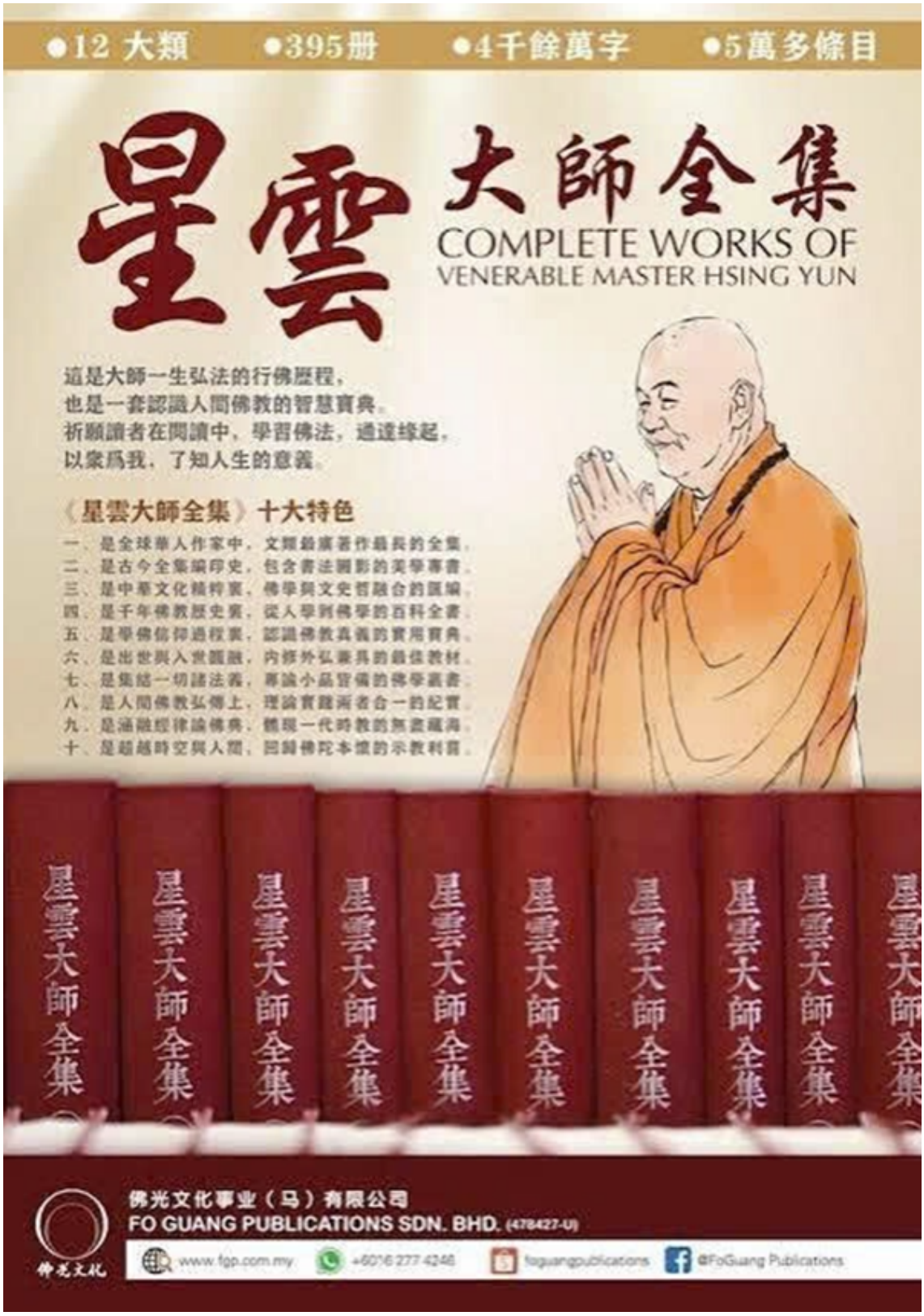
Trong suốt cuộc đời hành đạo, Tinh Vân Đại sư đã góp phần kiến lập hơn 200 tự viện và đạo tràng tại Đài Loan cùng nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiêu biểu có một trong những ngôi chùa Tây Lai tại Hoa Kỳ, chùa Phật giáo lớn nhất tại Tây Bán Cầu, tọa lạc tại Hacienda Heights, Quận Los Angeles, bang California, Hoa Kỳ, chùa Nam Thiên tại Úc, chùa Nam Hoa tại Nam Phi, ngôi chùa Phật giáo lớn nhất ở Nam Bán Cầu và chùa Nam Hoa, ngôi chùa Phật giáo

và Phật học viện lớn nhất tại châu Phi. Đây là những trung tâm Phật giáo có quy mô lớn, giữ vai trò quan trọng trong việc truyền bá văn hóa và giáo lý Phật giáo tại các khu vực tương ứng.

Sự hiện diện của những đạo tràng ấy không chỉ mở rộng không gian sinh hoạt tín ngưỡng, mà còn tạo dựng những nhịp cầu giao lưu văn hóa, thúc đẩy sự hiểu biết và tinh thần hòa hợp giữa các cộng đồng.

Qua đó, Phật Quang Sơn từng bước trở thành một biểu tượng tiêu biểu cho sự phát triển của Nhân gian Phật giáo trong thời đại toàn cầu hóa.



Ảnh sưu tầm.

3. Phát triển giáo dục và bồi dưỡng tăng tài

Trong tư tưởng hoằng pháp của Tinh Vân Đại sư, giáo dục giữ vị trí đặc biệt quan trọng.

Ngài quan niệm rằng sự hưng thịnh của Phật giáo không chỉ tùy thuộc vào quy mô tự viện hay số lượng tín đồ, mà trước hết phải được xây dựng trên nền tảng trí tuệ, đạo đức và phẩm chất của những người kế thừa Chính pháp.

Xuất phát từ nhận thức ấy, Ngài đặc biệt chú trọng công cuộc đào tạo Tăng Ni, phát triển giáo dục Phật học và xây dựng những cơ sở nghiên cứu có hệ thống.

Các cơ sở đào tạo tiêu biểu gồm Phật học viện Thọ Sơn, Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung Hoa, Phật Quang Sơn Tùng Lâm Học viện, cùng nhiều học viện Phật giáo tại Hồng Kông, Malaysia, Nam Phi và những địa phương khác.

Theo tư liệu được tổng hợp, hệ thống giáo dục Phật học này phát triển đến 16 học viện, góp phần đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni phục vụ sự nghiệp hoằng pháp.

Bên cạnh giáo dục xuất gia, Ngài còn quan tâm đến sự phát triển của giáo dục phổ thông, với việc thành lập các cơ sở như Trung học Trí Quang, Trung học Phổ Môn, cùng hệ thống Tiểu học và Trung học Quân Đầu.

Đặc biệt, Ngài đã góp phần sáng lập và phát triển năm trường đại học tại nhiều quốc gia:

Đại học Nam Hoa tại Gia Nghĩa, Đài Loan.

Đại học Phật Quang tại Nghi Lan, Đài Loan.

Đại học Tây Lai tại Hoa Kỳ.

Đại học Nam Thiên tại Úc.

Đại học Quang Minh tại Philippines.

Các trường đại học này được kết nối trong Hệ thống Đại học Phật Quang Sơn, hình thành một mạng lưới giáo dục quốc tế, tạo điều kiện giao lưu học thuật và nghiên cứu liên ngành giữa các nền văn hóa.

Điểm đặc sắc trong đường hướng giáo dục của Tinh Vân Đại sư là sự kết hợp giữa tri thức thế học và trí tuệ Phật học.

Theo tinh thần ấy, giáo dục không chỉ nhằm truyền đạt kiến thức hay đào tạo năng lực nghề nghiệp, mà còn hướng đến việc hoàn thiện nhân cách, nuôi dưỡng lòng từ bi, phát triển ý thức trách nhiệm và khả năng phụng sự cộng đồng.

Đó cũng là một trong những biểu hiện sinh động của Nhân gian Phật giáo: lấy con người làm đối tượng giáo dục, lấy trí tuệ và đạo đức làm nền tảng, lấy lợi ích nhân sinh làm mục tiêu hướng đến.

4. Tiên phong hoằng pháp qua truyền thông, văn hóa và nghệ thuật

Tinh Vân Đại sư là một trong những bậc cao tăng sớm nhận thức được vai trò của các phương tiện truyền thông hiện đại đối với sự nghiệp hoằng dương Chính pháp.

Ngài không giới hạn hoạt động hoằng pháp trong phạm vi tự viện hay những buổi thuyết giảng truyền thống, mà chủ trương vận dụng linh hoạt các phương tiện truyền thông, văn hóa và nghệ thuật để đưa giáo lý đức Phật đến với đông đảo quần chúng.

Năm 1957, Ngài thực hiện chương trình Tiếng nói Phật giáo trên Đài Phát thanh Dân Bản tại Nghi Lan, mở rộng phương thức truyền bá giáo lý qua làn sóng phát thanh.

Năm 1979, chương trình Cam Lộ được phát sóng trên Đài Truyền hình Trung Hoa, góp phần đưa những lời dạy của đức Phật đến với công chúng thông qua phương tiện truyền hình.

Tiếp đó, chương trình Tinh Vân Thiền thoại được phát sóng trên truyền hình vệ tinh Bắc Mỹ, tạo thêm cơ hội để cộng đồng Phật tử và những người quan tâm đến Phật học tại hải ngoại tiếp cận tư tưởng của Ngài.

Những hoạt động này thể hiện tinh thần khế lý, khế cơ trong công cuộc hoằng pháp: giữ vững tinh yếu của Chính pháp, đồng thời vận dụng phương tiện thích hợp với căn cơ, hoàn cảnh và nhu cầu của con người trong từng thời đại.

Năm 1995, Ngài sáng lập hệ thống Bảo tàng Mỹ thuật Phật Quang Duyên, cùng các không gian văn hóa mang tên Tích Thủy Phường, tạo nên những môi trường giao lưu kết hợp giữa nghệ thuật, văn hóa và đời sống tinh thần.

Về sau, hệ thống bảo tàng mỹ thuật được mở rộng đến 29 cơ sở trên thế giới.

Năm 1998, Đài Truyền hình Nhân Gian chính thức phát sóng, tiếp tục phát huy vai trò của truyền thông trong việc phổ biến văn hóa, giáo dục và những giá trị nhân văn của Phật giáo.

Năm 2000, nhật báo Nhân Gian Phúc Báo ra đời, trở thành một phương tiện truyền thông góp phần chuyển tải những thông điệp về đạo đức, văn hóa, giáo dục và đời sống xã hội.

Qua những hoạt động ấy, Tinh Vân Đại sư cho thấy rằng nghệ thuật, báo chí, phát thanh và truyền hình đều có thể trở thành những phương tiện thiện xảo để truyền bá Chính pháp, nếu được vận dụng trên nền tảng trí tuệ, trách nhiệm và tinh thần lợi ích chúng sinh.

5. Biên soạn, xuất bản và bảo tồn kinh điển Phật giáo

Song hành với hoạt động giáo dục và hoằng pháp, Tinh Vân Đại sư đặc biệt quan tâm đến việc biên soạn, xuất bản, bảo tồn và phổ biến kinh điển Phật giáo.

Ngài nhận thức sâu sắc rằng kinh điển không chỉ là di sản tâm linh của quá khứ, mà còn là nguồn trí tuệ cần được nghiên cứu, diễn giải và trao truyền cho các thế hệ tương lai.

Năm 1957, Ngài thành lập Phòng Phục vụ Văn hóa Phật giáo, về sau phát triển thành Nhà xuất bản Phật Quang, chuyên xuất bản sách Phật học và các tài liệu nghe nhìn phục vụ công tác hoằng pháp.

Năm 1977, Ngài thành lập Ủy ban Biên tu Đại Tạng Kinh Phật Quang, thực hiện những công trình biên tập, hệ thống hóa và phổ biến kinh điển có quy mô lớn.

Các công trình tiêu biểu gồm:

- Phật Quang Đại Từ Điển (□□□□□).

- A-hàm Tạng (□□□).

- Thiền Tạng (□□).

- Bát-nhã Tạng (□□□).

- Tịnh Độ Tạng (□□□).

- Pháp Hoa Tạng (□□□).

- Duy Thức Tạng (□□□).

- Bản Duyên Tạng (□□□).

Bên cạnh công tác biên soạn và xuất bản, các công trình kinh điển còn từng bước được số hóa nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ, tra cứu, nghiên cứu và phổ biến trong thời đại công nghệ thông tin.

Năm 1979, Ngài sáng lập Tạp chí Phổ Môn, tạo thêm một diễn đàn truyền bá tư tưởng Phật giáo và trao đổi học thuật.

Năm 2001, tạp chí chuyển đổi thành Phổ Môn Học Báo. Đến năm 2016, ấn phẩm được tái bản với tên gọi Học báo Nhân gian Phật giáo - Nghệ văn.

Trong cùng tiến trình phát triển học thuật, các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ về Phật học tại hai bờ eo biển Đài Loan, cùng những công trình nghiên cứu Phật giáo bằng Hán văn trên thế giới, được sưu tập và biên soạn thành bộ:

“□□□□ ·□□□□□□□□ ”

Pháp Tạng Văn Khố - Trung Quốc Phật giáo Học thuật Luận điển, gồm 110 tập.

Năm 2013, bộ Thế giới Phật giáo Mỹ thuật Đồ thuyết Đại Từ điển được xuất bản bằng tiếng Trung và tiếng Anh, mỗi phiên bản gồm 20 tập lớn, góp phần hệ thống hóa những giá trị nghệ thuật và di sản văn hóa Phật giáo trên thế giới.

Năm 2014, nhiều công trình quan trọng tiếp tục được xuất bản, tiêu biểu như:

Phật Quang Đại Từ Điển, bản tăng đính, gồm 10 tập lớn;

365 ngày dành cho người lữ hành - Bảo điển Phật giáo và Văn hóa Trung Hoa;

Kim Ngọc Mãn Đường, bộ tài liệu giáo dục về Nhân gian Phật giáo.

Những thành tựu này không chỉ thể hiện tâm nguyện bảo tồn di sản kinh điển, mà còn phản ánh tầm nhìn lâu dài của Đại sư trong việc kết nối truyền thống Phật học với phương pháp nghiên cứu và phương tiện truyền bá hiện đại.

6. Trước tác và di sản tư tưởng nhân gian Phật giáo

Tinh Vân Đại sư để lại một sự nghiệp trước tác phong phú, trải rộng trên nhiều lĩnh vực như giáo lý, triết học, lịch sử, văn hóa, giáo dục, đạo đức và nhân sinh Phật giáo.

Theo các tư liệu được tổng hợp, tổng dung lượng trước tác của Ngài lên đến hơn 40 triệu chữ, phản ánh một quá trình sáng tác, nghiên cứu và hoằng pháp bền bỉ trong nhiều thập niên.

Những tác phẩm tiêu biểu gồm:

“□□□□□□ ” - đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyện.

“□□□□ ” - Trăm lời về chuyện đã qua.

“□□□□□ ” - Giáo khoa thư Phật Quang.

“□□□□□□ ” - Trào lưu tư tưởng và tâm thức con người đương đại.

“□□□□□□□ ” - Tuyển tập luận văn về Nhân gian Phật giáo.

“□□□□ ” - Một trăm bài giảng về Tăng sự.

“□□□□ ” - Trăm năm nhân duyên với Phật pháp.

“□□□□□□ ” - Bần tăng có điều muốn nói.

“□□□□□□□□ ” - Nhân gian Phật giáo – Bản hoài của đức Phật.

“□□□□□□ ” - Tinh Vân Đại sư Toàn tập.

Xuyên suốt các công trình ấy là một định hướng tư tưởng nhất quán: đưa Phật pháp trở về với đời sống, giúp con người nhận diện khổ đau, chuyển hóa phiền não, phát triển trí tuệ và nuôi dưỡng lòng từ bi.

Đặc biệt, tư tưởng Nhân gian Phật giáo mà Ngài xiển dương nhấn mạnh rằng đời sống thế gian chính là môi trường để con người thực hành giáo pháp và phát triển phẩm chất giác ngộ.

Tu học không có nghĩa là xa rời xã hội hay quay lưng với những vấn đề của nhân sinh. Trái lại, người học Phật cần đem sự hiểu biết và công phu tu tập thể hiện trong đời sống hằng ngày, từ cách ứng xử trong gia đình, trách nhiệm đối với cộng đồng đến thái độ trước những biến động của xã hội.

Tinh thần ấy cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa trí tuệ và từ bi, giữa nhận thức và hành động, giữa lý tưởng giải thoát và trách nhiệm phụng sự.

Trong chiều sâu tư tưởng, Nhân gian Phật giáo không phải là sự thế tục hóa giáo pháp, mà là sự vận dụng giáo lý duyên khởi, nhân quả, vô ngã và tinh thần Bồ tát đạo vào những hoàn cảnh cụ thể của đời sống.

Con người không chỉ tìm kiếm an lạc cho riêng mình, mà còn cần góp phần kiến tạo những điều kiện tốt đẹp để người khác được sống trong an lành, hiểu biết và hòa hợp.

Đó chính là giá trị nhân văn nổi bật trong di sản tư tưởng mà Tinh Vân Đại sư để lại.

7. Hoằng pháp quốc tế và phát triển hội Phật Quang

Năm 1985, sau khi từ nhiệm chức vụ Tông trưởng Phật Quang Sơn, Tinh Vân Đại sư tiếp tục mở rộng hành trình hoằng pháp trên phạm vi quốc tế.

Với tâm nguyện đưa ánh sáng Phật pháp đến mọi tầng lớp xã hội, Ngài tích cực thúc đẩy sự hình thành những tổ chức Phật giáo có khả năng kết nối cộng đồng, phát triển giáo dục và thực hiện các hoạt động phụng sự nhân sinh.

Năm 1991, Ngài sáng lập Hội Phật Quang Trung Hoa.

Ngày 16 tháng 5 năm 1992, tại Los Angeles, Hoa Kỳ, Ngài chính thức thành lập Tổng hội Thế giới Hội Phật Quang Quốc tế và đảm nhiệm chức vụ Tổng hội trưởng.

Theo số liệu được ghi nhận trong tư liệu gốc, hệ thống Hội Phật Quang phát triển tại hơn 170 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc năm châu lục.

Sự phát triển ấy góp phần hình thành một mạng lưới Phật giáo quốc tế, tạo điều kiện để các cộng đồng cùng tham gia sinh hoạt tâm linh, giao lưu văn hóa, hoạt động giáo dục và thực hiện những chương trình thiện nguyện.

Lý tưởng hoằng pháp của Đại sư được thể hiện qua hai câu:

"□□□□□□□□□□□□□□□□ ."

"*Phật quang phổ chiếu tam thiên giới,*

Pháp thủy trường lưu ngũ đại châu."

Có thể diễn nghĩa:

"*Ánh sáng Phật pháp soi khắp ba nghìn thế giới,*

Dòng nước Chính pháp tuôn chảy mãi trên năm châu."

Hai câu này không chỉ biểu đạt chí nguyện truyền bá giáo pháp rộng khắp, mà còn hàm chứa tinh thần bình đẳng, hòa hợp và lòng từ bi không phân biệt.

Ánh sáng trí tuệ của đức Phật không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia, chủng tộc, ngôn ngữ hay truyền thống văn hóa. Chính pháp có thể được tiếp nhận và thực hành ở bất cứ nơi đâu, khi con người biết hướng thiện, phát triển trí tuệ và

nuôi dưỡng tâm từ bi.

Từ phương diện ấy, sự nghiệp hoằng pháp quốc tế của Tinh Vân Đại sư còn góp phần thúc đẩy sự đối thoại giữa các nền văn hóa và khơi mở tinh thần chung sống hòa bình trong một thế giới ngày càng gắn kết.

8. Những vinh dự và đóng góp được ghi nhận

Với những cống hiến trong lĩnh vực Phật giáo, giáo dục, văn hóa và hoạt động xã hội, Tinh Vân Đại sư đã được nhiều tổ chức và cơ sở giáo dục trong nước cũng như quốc tế ghi nhận.

Ngài được Đại học Hồng Kông cùng nhiều trường đại học trao tặng học vị Tiến sĩ Danh dự.

Năm 1992, Ngài được suy tôn làm Chủ tịch Danh dự Vĩnh viễn của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới.

Năm 1995, Ngài được Đại hội Phật giáo Toàn Ấn Độ trao tặng Giải thưởng Phật Bảo.

Những sự ghi nhận ấy phản ánh tầm ảnh hưởng của Ngài trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đóng góp cho sự phát triển của Phật giáo và các hoạt động hướng đến lợi ích cộng đồng.

Trong tiến trình hoằng dương Nhân gian Phật giáo, Đại sư đặc biệt quan tâm đến việc phát triển Phật giáo theo năm định hướng:

Thể chế hóa - Hiện đại hóa - Nhân gian hóa - Hướng đến tương lai - Quốc tế hóa.

Những định hướng này thể hiện một tầm nhìn phát triển vừa kế thừa truyền thống, vừa thích ứng với những biến chuyển của thời đại.

Thể chế hóa nhằm xây dựng nền tảng tổ chức ổn định và bền vững.

Hiện đại hóa hướng đến việc vận dụng những thành tựu khoa học, giáo dục và truyền thông để phục vụ công cuộc hoằng pháp.

Nhân gian hóa nhấn mạnh sự gắn bó giữa giáo lý Phật giáo với những nhu cầu thiết thực của đời sống con người.

Hướng đến tương lai thể hiện trách nhiệm đào tạo thế hệ kế thừa và chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự phát triển lâu dài.

Quốc tế hóa mở rộng tinh thần giao lưu, hợp tác và truyền bá Phật pháp vượt qua những giới hạn địa lý, ngôn ngữ và văn hóa.

Nhìn từ tổng thể, năm định hướng ấy không chỉ mang ý nghĩa tổ chức và phát triển, mà còn phản ánh nỗ lực đưa Phật giáo trở thành một nguồn lực đạo đức, văn hóa và tâm linh có khả năng đóng góp tích cực cho xã hội hiện đại.

Phần III. Kết luận

Từ một đời hoằng pháp đến di sản tinh thần cho nhân loại

Cuộc đời và đạo nghiệp của Tinh Vân Đại sư là một hành trình dài phụng sự Phật pháp và nhân sinh, được nuôi dưỡng bằng chí nguyện Bồ tát và tinh thần nhập thế tích cực.

Từ một vị sa-di xuất gia khi tuổi đời còn rất trẻ, Ngài đã trở thành một bậc cao tăng có ảnh hưởng quốc tế, góp phần kiến tạo hệ thống giáo dục, văn hóa, truyền thông, từ thiện và hoằng pháp rộng khắp năm châu.

Tuy nhiên, giá trị sâu xa trong đạo nghiệp của Ngài không chỉ nằm ở số lượng tự viện được kiến lập, những trường đại học được thành lập hay những công trình trước tác đồ sộ được lưu truyền.

Điều đáng trân trọng hơn cả chính là tinh thần đưa Phật pháp đi vào cuộc sống, chuyển hóa những nguyên lý cốt lõi của đạo Phật thành những giá trị thiết thực, có khả năng nuôi dưỡng đạo đức, phát triển trí tuệ và xây dựng một xã hội nhân ái.

Qua tư tưởng Nhân gian Phật giáo, Tinh Vân Đại sư góp phần khẳng định rằng đạo Phật không tách rời thế gian, bởi chính trong những mối quan hệ và hoàn cảnh của đời sống, con người có thể thực hành từ bi, phát triển trí tuệ và từng bước chuyển hóa khổ đau.

Một lời nói chân thành có thể gieo duyên lành; một hành động vị tha có thể xoa dịu những nỗi khổ niềm đau; một tâm niệm tỉnh thức có thể mở đầu cho sự chuyển hóa. Khi những giá trị ấy được nuôi dưỡng trong đời sống cá nhân và cộng đồng, Phật pháp không còn chỉ là những lời dạy được ghi chép trong kinh điển, mà trở thành nguồn năng lượng đạo đức hiện hữu giữa nhân gian.

Đó cũng chính là ý nghĩa thiết thực của tinh thần Bồ tát đạo: không chỉ hướng đến sự giác ngộ của tự thân, mà còn phát khởi tâm nguyện đem hiểu biết và tình thương phụng sự muôn loài.

Tinh Vân Đại sư đã viên tịch, nhưng những công trình giáo dục, văn hóa, trước tác và tư tưởng hoằng pháp mà Ngài để lại vẫn tiếp tục được nghiên cứu, kế thừa và phát huy.

Di sản ấy nhắc nhở người học Phật rằng sự tu tập chân chính không chỉ được biểu hiện qua kiến thức giáo lý hay hình thức sinh hoạt tôn giáo, mà còn phải được thể hiện bằng phẩm chất đạo đức, sự tỉnh thức và tinh thần trách nhiệm đối với cuộc đời.

Bởi lẽ, ánh sáng Chính pháp chỉ thật sự có ý nghĩa đối với nhân sinh khi được chuyển hóa thành trí tuệ trong nhận thức, từ bi trong tâm hồn và thiện hạnh trong hành động.

Một đời người rồi sẽ khép lại theo quy luật vô thường, nhưng những hạt giống trí tuệ và từ bi được gieo trồng bằng tâm nguyện phụng sự vẫn có thể tiếp tục nảy mầm, kết trái trong dòng chảy nhân duyên của cuộc sống.

Đó cũng là một trong những giá trị bền vững của đạo nghiệp Tinh Vân Đại sư: đem Phật pháp vào đời, lấy việc phụng sự chúng sinh làm phương tiện thực hành Bồ tát đạo, và hướng đến một nhân gian an lạc, hòa bình, thấm nhuần ánh sáng từ bi và trí tuệ.

Việt dịch và tổng hợp từ các nguồn tư liệu internet: **Thích Vân Phong**